

TUYỂN TẬP LÝ ĐÔNG A

SINH MỆNH TÂM LÝ

HỌC HỘI THẮNG NGHĨA - 2017

SINH MỆNH TÂM LÝ

I. Căn Bản Chủ Nghĩa

A. Vũ trụ, xã hội, tư tưởng thành một thể sống duy nhất

Tư tưởng đây đại biểu cho cái sinh mệnh cơ cấu, bởi sống với chết là một thể duy nhất, đồng thời biết chỉ huy sống.

Vũ trụ, xã hội và sinh mệnh là một thể hữu cơ và thống nhất từ bản thể cho đến cơ năng¹ vận động.

Sinh mệnh có thể nói là chủ thể của vũ trụ và xã hội.

Đạo kỹ² lấy sinh mệnh làm khởi điểm diễn tiến biến hoá bởi âm dương hỗ tương nguyên nhân; âm với dương hỗ tương đối lập.

B. Thăng Nghĩa Triết Học lấy sinh mệnh nghiên cứu làm trung tâm và xuất phát điểm

Tìm dõi các nguyên lý sâu sắc của vạn hữu trong đáy tầng sinh mệnh diễn tiến ra.

Tìm tòi, vận dụng và nắm giữ cái thể hệ³ vũ trụ và xã hội, chính thể hệ khoáng trường⁴ và duyên trường⁵ của sinh mệnh sinh hoạt và thực hiện.

¹ Cơ năng (cơ cấu và chức năng): Cơ Năng là một cơ cấu có chức năng riêng biệt trong một hệ thống thống nhất (bản vị). Một hệ thống bản vị (whole, unit) được cấu thành bởi nhiều cơ năng thành phần (parts) (xem thêm chú giải về *Cơ Năng và Bản Vị* trong tài liệu *Chìa Khóa Thăng Nghĩa*).

² Đạo kỹ: đường sống của tự mình. Người là một sinh vật từ tự nhiên mà ra, nhưng là một loài sinh vật đặc thù, có khả năng đặc biệt. Đó là khả năng chủ động đời sống của mình, có thể biến cải và đổi mới các điều kiện sống để thăng tiến mà tạo ra lịch sử, văn hoá từ sơ khai tới văn minh (xem thêm chú giải về *Đạo Kỹ* trong tài liệu *Chìa Khóa Thăng Nghĩa* của *Đông Nhân Học Xã*, dưới mục *Tuyển tập Lý Đông A*).

³ Thể hệ (Thể - bộ Cốt: vật thể, vật gì có ba chiều trong không gian; vật, sự gì có quy mô, cách thức rõ rệt. Hệ - bộ Mịch: buộc treo vào, nối liền vào). Thể hệ là kết buộc lại, nối liền với nhau thành một thể, một toàn thể có thứ tự trước sau rõ ràng.

C. Tâm lý học của thăng nghĩa

Y cứ các quan điểm và nền tảng đó, không câu nệ thiên hẹp một bề sinh lý, tâm lý, xã hội nguyên nhân, tự nhiên nguyên nhân, văn hoá nguyên nhân, mà là suy cầu xác thực những căn bản nguyên lý, phương pháp học lý và sự thật của toàn bộ sinh mệnh một cá thể, chặt chẽ hoà hợp với toàn bộ sinh mệnh của chính thể (xã hội và vũ trụ) bằng những cơ cấu, tác dụng, chủ thể và hành vi. Hiện tượng căn bản đó chặt chẽ thống nhất với nhân sinh xã hội và văn hoá loài người.

II. Những Căn Bản Nguyên Lý

Có tám nguyên lý:

1. Căn bản⁶ duy nhất của xã hội, thời đại, văn hoá và lịch sử là đuổi theo để đạt tới sự phát triển phạm trù con người, tạo tự điển hình con người đến sự chung cầu lý tưởng con người.

Đó là chân ý nghĩa của nhân sinh, xã hội và văn hoá, đồng thời là căn bản luật tắc của nhân sinh thực hiện sử quan và cứu cánh của sinh mệnh giá trị công năng và hiệu lực.

2. Gắng sức duy nhất của con người là hoàn thành trên bản thân mình một sinh mệnh chủ thể rất sáng suốt và mạnh mẽ, một sinh mệnh hệ thống rất thông đạt và nhiều mặt, nhiều tầng, nhiều cách biểu hiện với phát huy một sinh mệnh cơ cấu rất linh hoạt.

a. Hoàn thành một sinh mệnh chủ thể, đó là công việc kiến thiết một chủ ngã hợp lý, tối cao và thống nhất, một chủ ngã viên mãn và siêu nhiên, lấy đó chỉ huy quyết định và chi phối cái sinh mệnh hệ thống của mình.

Ghi chú: Học Hội Thăng Nghĩa (HHTN) ghi lại giải thích về “thể hệ” từ một tập viết tay, không tựa đề và không có tên tác giả để giải thích các Hán tự hoặc những từ ngữ do Tiên sinh Lý Đông A sử dụng trong cuốn *Huyết Hoa* do nhà xuất bản Gió Đáy ấn hành năm 1969 tại Sài Gòn. Những cước chú kế tiếp trích từ tập này, HHTN sẽ viết tắt là “khuyết danh”.

⁴ Khoáng trương: mở rộng cho lớn ra.

⁵ Duyên trường hay diên trường: kéo dài ra. Đào Duy Anh (2005). *Hán Việt Từ điển*, Nxb Văn hoá Thông tin, trang 176.

⁶ “Căn bản” trong đoạn này, ở bản khác chép là “gắng sức”.

b. Sinh mệnh hệ thống tức là tất cả cái qui mô sinh hoạt nội tại, ngoại tại, tinh thần, vật chất và văn hoá.

c. Sinh mệnh cơ cấu là gồm hết cả cơ năng sinh lý, tâm lý, tài cán, năng lực của mình đối với mình, người và đời. Công cụ và đồ đạc chính là những sinh mệnh cơ cấu duyên trường (allongé) ra tự nhiên và thực tiễn, bổ cứu những khuyết hãm của trời sinh.

3. Căn nguyên duy nhất của vũ trụ, xã hội, và sinh mệnh là âm với dương hỗ tương nguyên nhân, hoàn thành tất cả nội dung của đại hoá⁷. Có thể tượng trưng bằng lối chữ sau này: 0 -> 1 -> 2 -> 3 -> đại hoá (vô cùng). Tức là không (0) sinh có (1); từ có (nội dung đối lập) hợp với hai (2) mà sinh luật phủ định và kiến tạo cái thứ ba (3), từ đó diễn tiến mà thành vô cùng biến hoá.

4. Hiện tượng quán triệt suốt trời đất, vạn vật là âm thể và dương thể chia đôi và hợp nhất, hoàn thành hết thủy sinh mệnh. Cho nên:

0 → 1 → 2 → 3 → đại đạo (vô cùng) mà thành cái phạm trù nguyên nhân của xã hội là: đàn bà (0) với đàn ông (1) tức (-) với (+) = xã hội hỗ tương nguyên nhân và đối lập thống nhất. Cho nên:

a. Thiên tính thứ nhất của loài người là phiền chủng⁸ (phồn chủng), người ta gọi là tình yêu (sexualité, erós).

Mục đích quán triệt của vũ trụ, xã hội và sinh mệnh chính nhất và chủ yếu, đó là *tình* trước đã, vì *sinh* là logique chính nhất và chủ yếu của đại hoá. Tình là bản năng thuần nhất để duyên trường và kế tiếp sinh mệnh, cái khách quan mục đích, nguyên nhân và cứu cánh của nó. Bao nhiêu cơ năng đều diễn tiến ra bởi tình (erós). Các công năng sinh lý và tâm lý sinh hoạt đều là các thể duyên trường và kế tiếp của *tình* tác dụng trước đã. Nói thể tuyệt không phải đề xướng "phàm tình chủ nghĩa" (pan sexualism), nhưng chỉ miêu tả khách quan cái cơ sở của nhân sinh.

b. Thiên tính phụ đới của loài người là ý thức kinh tế. Con đường đi của sinh mệnh trước hết là để tự duyên trường sinh mệnh của mình bằng cách đẻ con cái. Nhưng trong cái quá trình đi ấy, sự hấp thụ và

⁷ "Đại hoá", theo bản chép tay của cụ T. Đ. Nhân thì là "đại đạo".

⁸ Phiền (phồn): nhiều; cỏ tốt. Đào Duy Anh. Sách đã dẫn (Sđd), tr. 585. Phiền chủng hay phồn chủng, trong tài liệu mang nghĩa sắc tính.

bổ ích vào bản thể để duy trì sinh tồn phải kinh qua các thủ đoạn⁹ và hoạt động sinh hoạt. Cho nên lao động công vụ và sáng tạo kinh tế khoa học chính là để khoáng trương và duyên trường sinh mệnh mà tăng gia hiệu lực cho thứ nhất mục đích là phồn chủng.

c. Thiên tính do chuyển rời tác dụng (transference) mà sinh ra là xã hội hoá. Xã hội hoá để hoàn thành việc lớn của khoáng trương và duyên trường sinh mệnh, hoàn thành nên bởi những điều kiện hỗ trợ, hợp tác, công vệ và tự vệ. Cho nên, việc chuyển rời hai tính trên từ cá thể đến tập thể, tất yếu thành ra xã hội hoá. Từ cái chuyển rời đó mà phát sinh tác dụng thay đổi (deplacement) và thăng hoa (sublimation), hoàn thành hết các sáng tạo và văn hoá loài người.

Các tính kia một khi tự chuyển rời sang tự bản thân xã hội hoá, dẫn thành một thiên tính càng ngày càng đạt tới địa vị và tác dụng chủ yếu nhất. Chỉ nhờ có tính này mà làm tròn nhân sinh thực hiện. Cho nên ba cái công năng và tính chất của loài người là đẻ con, làm việc và sáng tạo (xã hội).

5. Căn nguyên sinh mệnh là sự kinh qua các tình trạng và tác dụng phát triển mà đi đến thăng hoa tác dụng. Cho nên:

a. Khí với huyết ngưng thành tinh, và tinh với khí hợp thành thần.

b. Sinh lý, tâm lý, với xã hội sinh hoạt kiến thiết thành một chủ thể nội tại. Cái chủ thể cao và một đó có tác dụng: chí, tình, ý. Cái chủ yếu là ý chí để suy động và phát huy các công năng khác của sinh mệnh.

⁹ Thủ đoạn (Thủ - bộ Thủ: tay; làm bằng tay; tài giỏi; chính mình làm. Đoạn - bộ Thủ: chia từng đoạn, từng khúc một; một đoạn). Thủ đoạn là cách làm việc khôn khéo, có tính toán trước sau, phù hợp với hoàn cảnh thực tế để nắm chắc thành công. Thủ đoạn là phương pháp làm việc của cá nhân biết quyền biến ứng phó với thực tế, không giáo điều, cố chấp; biết chấp kinh mà cũng biết tòng quyền.

“Thủ đoạn” thường bị gán cho một nghĩa xấu là đầy mách khoé, mưu mẹo để lừa gạt người.

Nghĩa chữ, thủ đoạn là chính tay mình cắt đặt công việc để nói lên tính chất chủ động của người làm chủ. Thủ đoạn còn có nghĩa là nắm chặt lấy mục đích của từng giai đoạn, đi từng bước một thật vững chắc, hoàn tất từng phần của toàn bộ kế hoạch để thành công trọn vẹn.

Đem so sánh với phương pháp thì phương pháp là cách làm việc theo tiêu chuẩn khoa học, theo khuôn mẫu, do đó nặng giáo điều, không uyển chuyển phù hợp cho từng trường hợp đặc thù của thực tế phức tạp.

c. Vật chất tầng, tinh thần tầng và tinh tú tầng (physique, mental, astral) là các tầng của gắng sức nội tại điều động và thăng hoa thành các hình trạng và tầng cấp của chủ ngã (sinh mệnh chủ thể) từ vía (abdomen), phách (phổi), lý giác (óc), tuệ (égo, super égo) và đạ ma (tính giác tối cao và viên mãn).

6. Sinh mệnh cơ cấu là gồm tất cả những cơ năng của sinh lý sinh hoạt, xã hội sinh hoạt và tâm lý sinh hoạt mà kết hợp thành những động cơ, tác dụng và hành vi của loài người trên một thể hệ có tổ chức.

a. Những thành phần bản năng (component instantifs) đem mỗi cơ năng và vận dụng của tự mình kết hợp thành bản năng thống nhất kinh qua các thời kỳ phát triển nhất định của nó, hoàn thành sự dưỡng thành các phản ứng (réaction) và các nút quan niệm động tác.

b. Tai, mắt, mũi, mồm, da, đó là các khí-quan-thức. Người ta do các khí-quan-thức bị kích thích bởi người mà phát sinh cảm giác và trí giác. Các khí-quan-thức là thể ý tha¹⁰ và lâm thời biểu hiện của thiên tính.

Tất cả những tánh tri thức và kinh nghiệm tích lũy lại, có các tính chất và tác dụng duyên trường, khoáng trường phát triển làm tài liệu cho sinh mệnh hệ thống. Tất cả các cái đó tóm thâu lại là tàng-trụ-thức (tàng thức, a lại da thức, mémoire).

Từ kích thích đi đến tư tưởng và phản ứng trong những giây phút nhanh chóng đó, thực tại đã trải qua một phen lý giác, suy đoán và chọn lọc bằng tất cả những động cơ và hình thái xung đột. Cơ năng đó gọi là duyên-khởi-thức (mạt na thức, ý thức).

Nhưng mà cái tác dụng và công việc của chủ ngã (super égo) thực hành giam bó, kiểm tra và quyết định, chấp hành, đó là cơ năng của quyền-uy-thức (tâm vương, tâm sở tức ý thức).

Do duyên-khởi-thức mà sinh ra những hình thái của tâm lý mọi mặt như tượng trưng, xung đột, ngưng kết, di chuyển, phân kỳ, mộng寐, dục vọng, xung động¹¹ v.v...

¹⁰ Ý Tha (Ý là nương, dựa vào. Tha là người, vật khác): mỗi sự vật hay hiện tượng khi hình thành là nhờ vào sự vật hay hiện tượng khác (xem thêm chú giải về Ý Tha - Tự Kỳ - Động Tha trong tài liệu Chìa Khóa Thăng Nghĩa).

¹¹ Xung động (Xung - bộ Hành: động chạm nhau; xông ra phía trước; đánh đá. Động - bộ Lực: làm thay đổi vị thế). Xung động là sự chuyển biến của tâm hồn có tính chất vô thức từ đáy tầng dội lên. (khuyết danh).

c. Ba cái động cơ căn bản của tâm lý và sinh mệnh là: Xung động, xung đột và giam bó (répression).

- Xung động là nói phàm tất cả những duyên khởi về các thiên tính¹² phần chủng, ý thức kinh tế với xã hội hoá đều bao la, hỗn hợp; cho nên ba cái thiên tính cỗi gốc chỉ là một, gọi là tình (éros), nhưng kinh qua chuyển di và thăng hoa tác dụng tất nhiên và tất yếu mà diễn thành ba. Ba cái động cơ ấy cùng trọng yếu và phải bình hành phát triển như nhau.

- Các thức xung đột, đối địch và mâu thuẫn bình hành. Sự xung đột và chọn lọc dẫn khởi tượng trưng các tác dụng vào tàng-trụ-thức các phương diện mà chịu sự trọn quyết của quyền uy thức.

- Sự giam bó các xung động bị bỏ quên là tất yếu. Do đó mà sinh ra hết thảy các hiện tượng của tiềm thức (inconscience), dục vọng và hình thái khác nữa của tinh thần khát vọng. Động cơ đó vi diệu ở trong tâm rồi duyên trường và chuyển di ra toàn xã hội, hoàn thành các hình thái, trình tự xã hội áp bách, kêu gào, phản động và biến loạn.

d. Tâm lý cơ cấu gồm trong tự mình các căn bản tác dụng do động cơ diễn tiến ra.

- Ngưng kết tác dụng (condensation): Các xung động phân kỳ điều hoà và hỗn hợp thành một mà biểu hiện ra.

- Hiệp hoà tác dụng (rapport): Trung dung.

- Đa phương biểu xuất tác dụng (over determination): Các xung động phân kỳ đều biểu hiện ra ngoài hành vi chủ chờ, dở dang.

- Tượng trưng tác dụng (symbol): Các xung động bị giam bó phát sinh ra tưởng tượng, ảo tưởng, mộng tưởng, hình tượng (symbolizer).

- Chuyển rời tác dụng (déplacement): Như A tức giận B, nhân có C ở đó, tức giận luôn C.

- Thay đổi tác dụng (déplacement).

- Thăng hoa tác dụng (sublimation): Những tác dụng qui định hành vi ra ngoài, chính chúng là những nguyên nhân rất bí mật của văn hoá và lịch sử.

¹² Ba thiên tính Lý Đông A nói đến là sắc tính (trong bài là phiền hay phần chủng), nhu yếu tính (kinh tế) và xã hội tính (xã hội hoá). Để thiên tính trở thành nhân tính, cần các tiêu chuẩn: Trinh cho sắc tính, Bình cho nhu yếu tính, Hoà cho xã hội tính [và tự vệ tính]. Trong một tài liệu khác, ba tính này ông gọi là Xã hội Tự tính.

- e. Căn bản của hành vi là Tính, Tâm, Thân, Mệnh.
- g. Sự kết cấu thành tâm lý là do các động cơ và tác dụng kinh qua các thời kỳ vận động tất nhiên mà ra.
 - Tự ái (auto érotism): Các thành phần bản năng tự tạo, biểu hiện ra bằng tham lam, tức giận, vui buồn, thèm muốn của mỗi nó [sự đó] như: mồm, giang môn, tiểu tiện, ý thích đi đến ái kỷ.
 - Ái kỷ (narcissisme): Hoàn thành các cấp chủ ngã biểu hiện ra sự thích trang sức, thích tự mình.
 - Ái tha (allo érotism): Bắt đầu từ lòng yêu cha mẹ mà suy đi.

7. Sự gắng sức thành tựu cho tự mình một sinh mệnh chủ thể, một sinh mệnh cơ cấu và một sinh mệnh hệ thống đến trình độ nào tuyệt đích và biểu hiện ra sự kết cấu các cơ năng của xã hội sinh mệnh, gọi là các tầng:

- a. Đức tầng: Lý tưởng tầng, nhân cách tầng và sinh mệnh tầng.
- b. Nghiệp tầng: Sáng ý nghiệp, quyết đoán nghiệp và thực hành nghiệp.
- c. Tri tầng: Tiên tri tiên giác, hậu tri hậu giác, bất tri bất giác.

Sự nhân vi tuyến trách và phân công quyết định ở nơi đó mà hoàn thành cái cơ cấu lớn lao của kinh tế quan hệ và xã hội chế độ, quyết không thể lấy các bệnh thái của xã hội: gia đình xung đột, giai cấp xung đột, chức nghiệp xung đột mà huyễn hoặc chân ý nghĩa của nhân sinh được.

8. Chính trị hợp lý là châm đối và phát triển sinh mệnh cho hoàn thành 2 chủ quan và khách quan mục đích dân sinh thực hiện của loài người trên một cơ cấu vận dụng thích hợp với sinh mệnh. Đó là chân lý.

III. Phương Pháp Học Lý

Giáo dục triết học lấy sinh mệnh triết học làm cơ sở. Chính trị là thiết kế và chấp hành nhân sinh. Giáo dưỡng là khởi điểm và chung điểm của chính trị. Xã hội là nhân tính tổ chức. Chính trị là kinh lý nhân tính. Nhân sinh là bồi dưỡng và phát huy nhân tính. Cho nên:

1. Thiên tài giáo dục: Bản chất và trạng thái của thiên tài là sự bộc phát của một thể giam bó tự mình trên các tác dụng tượng trưng,

Học Hội Thăng Nghĩa

đa phương biểu xuất và thăng hoa có các tính chất căng co (tension), gắn sát (agglutination) và điều hoà (rapport) rất nhiệt liệt và cao độ. Bởi thiên tài giáo dục phần nhiều là tự động tu dưỡng trên các hành vi tự mình, tự do giam bó tự mình và xung đột kích phát tự mình rất nhiệt liệt và cao độ. Thiên tài giáo dục gồm các cơ cấu và nguyên lý:

a. Tự đào tạo một lò nhiệt trung tâm rất mạnh mẽ làm nguồn cho hết thảy mọi xung đột tác dụng rất sáng suốt.

Trung tâm giáo dục, tiềm tại tu dưỡng: cốt nhất là đào tạo chí khí nhiệt thành. Ví nhân chính là sản vật của một thể rất nhiệt, rất thành hun đúc nên.

b. Tự đào tạo một động cơ căn bản rất cao thượng làm xuất phát điểm cho các duyên-khởi-thức: dân tộc tu dưỡng, lịch sử sinh hoạt và dân tộc nghệ thuật.

Vĩ nhân là năng lực sáng tạo vĩ đại, gốc rễ ở trong lòng tin rất nóng, rất thực, thứ tin theo rất huyền bí và sâu xa, luôn luôn suy động bởi các lý tưởng và để uẩn¹³ cao nhất, đồng thời các lý tưởng và để uẩn đó lại là một vòng giam bó của tự mình. Đó là chân ý nghĩa của thiên tài giáo dục.

c. Tự đào tạo lấy một vòng giam bó tự mình: tức trước hết phải gột rửa hết thảy những giam bó tự ngoài vào, từ khác đến, rồi kiến lập một vòng tự do giam bó bằng lý tưởng và tiềm tại tu dưỡng của tự mình. Các nút nghĩ tự do và lối nghĩ cổ xưa, đó là những thủ đoạn kiến thiết.

d. Tự đào tạo lấy các tâm lý tác dụng rất nhiệt thành, rất cao độ, rất căng co, rất gắn sát. Dùng các nút nghĩ tự do, lối nghĩ cổ xưa ở chỗ tàng-trụ-thức, duyên-khởi-thức thuần túy của mình, dẫn khởi những động cơ xung động và xung đột kịch liệt, giam bó kịch liệt mà sản sinh các tác dụng tượng trưng, ngưng kết, đa phương biểu xuất, thăng hoa rất cao độ. Đó là sáng tác, phát minh, sáng tạo.

2. Nhân tài giáo dục: Nuôi óc sinh nhân tài, tức là đào tạo một nhân cách và năng lực thống nhất trên một cơ sở chủ thể, cơ cấu và hệ thống rất kiện toàn. Lợi dụng sinh hoạt giáo dục, kiến lập các kinh nghiệm và tập quán tự do và cá tính, phối hợp với căn bản tu dưỡng và nghệ thuật tu dưỡng mà hoàn thành.

¹³ Để uẩn: cốt lõi, nội dung sự việc.

Tâm lý cơ cấu của nhân tài biểu hiện nhiều mặt tác dụng có trạng thái khoẻ khoắn và thống nhất, đồng thời còn ỷ lại chút ít vào những duyên khởi từ ngoài vào, từ khác đến xung động. Cho nên:

a. Giải thoát bằng những vòng giam bó, bằng những khoái hoạt và hứng thú. Dùng những kinh nghiệm năng lực tự do, cá tính tự phát mà hun dưỡng thành sinh mệnh hệ thống kiện toàn. Đó là chủ chỉ của sinh hoạt giáo dục.

b. Kiện toàn và thống nhất các tâm lý cơ cấu bằng trung tâm giáo dục và căn bản tu dưỡng cho tính, tâm, thân, mệnh và các tác dụng được bình hành phát triển, tri hành viên mãn và nhập lý xuất sự một cách có độc-lập-tính và lý-tưởng-tính.

c. Hoàn thành và cải tạo những chế ước phản ứng (condition et réflex) bằng đa phương giáo dục (poly-) để đào tạo những kinh nghiệm, tập quán mới mẻ và tốt tươi. Tốt nhất là sinh hoạt thực tiễn, tập thể, tự ngã, động tác thực tiễn hình thức đào dã¹⁴ và tế xuất tuần tự.

d. Làm sao cho chuyển di tác dụng được thuần tuý và linh hoạt: Học một biết mười, đó là giỏi dùng chuyển di tâm lý cơ cấu mà ra. Cho nên ứng dụng các luật tắc di chuyển, phát minh truyền bá và học tập. Đó là căn yếu cho giáo dục nhân tài.

3. Hoán cốt giáo dục (thoát thai hoán cốt): Nghĩa là đột nhiên mà cải tạo được sinh mệnh cơ cấu của một kẻ ngu si hay nhầm lỗi cho thành thuần tuý sáng suốt. Lỗi này có ba phương thức:

a. Viên giáo: Dùng hết cơ cấu và công năng thời gian của giáo dục.

b. Tiềm giáo (bán tự giáo): Dùng tiềm di mặc hoá¹⁵ nghĩa là cải thiện hoá (cảm thiện dụ).

¹⁴ Đào dã (Đào - bộ Phụ: đồ sành, đất nung; thợ nặn. Dã - bộ Bang: đúc đồ sắt): nung đồ sành, đúc đồ sắt. Nghĩa rộng là uốn nắn, tôi luyện. (khuyết danh).

¹⁵ Tiềm di mặc hoá:

Tiềm (bộ Thủy): chìm dưới nước; dấu kín, ở ẩn; ngấm không ai rõ.

Di (bộ Hoà): thay đổi vị trí, dời đi, biến đổi: di chuyển.

Mặc (bộ Hắc): lặng yên không nói không cười.

Hoá (bộ Truý): biến đổi bản chất, hình thái.

Tiềm di mặc hoá là thay đổi hình thức và bản chất một cách kín đáo âm thầm, khó có ai hay biết. (khuyết danh).

c. Đốn giáo: Làm cho hết nhiên giác ngộ. Đốn giáo thật khó khăn, chỉ để cho những kẻ có căn duyên cao viêt mới được, song ứng dụng cho kẻ hạ căn và đê năng thực phải dùng đến toàn sức của cái uy quyền và ảnh hưởng thế lực của tinh thần, có thể dùng đến pháp thuật cao thâm để khai khiếu.

Thiên tài là kẻ phi thường thái; nhân tài chính là thường thái; đê năng là bệnh thái của tinh thần và sinh mệnh cơ cấu. Cho nên:

- Bổ thường pháp: Vá lấp những chỗ khuyết hãm của khí quan như lối Desmosthème luyện lưỡi cho khỏi ngọng. Những khuyết hãm của khí-quan-thức do những nhân tố sâu sắc từ trong đáy tầng tâm lý mà ra. Cho nên dùng lối ngoại vận như Desmosthème hay nội công, tức dùng thôi miên thuật, lấy các phương pháp ám thị (suggestion) và giao cảm (communion) mà đem những kinh nghiệm và năng lực trở về ý thức.

- Giải thoát pháp: Đem cởi những giam bó bất hợp lý tự trong tâm linh người ta cho các cơ năng được các cơ hội phát triển, giải cứu hết những vô minh trạng thái và bệnh thái... Lối này dùng giải tâm thuật (method of psycho analysis) của y học như sơ thông thuật (cathartic method of aberration), lấy các tình tự hình thái buồn hợp với chán sợ cùng kích động. Giải tâm thuật dùng xuất hồn trạng thái (trance) cởi mở hết những nút nghĩ tự do. Đó là khai khiếu hoá cốt hay khai-khiếu-thực, còn có thể ứng dụng bằng những khoa học pháp môn khác nữa. Đặc biệt nhất là ứng dụng được những pháp thuật siêu viêt của y học như điểm huyết thông khiếu... Nhưng hiện nay chưa tâm đầu, vật đầu, nơi đâu mà nghiên cứu, chính phải để về sau.

4. Thiên định giáo dục: Đây là khoa học đặc biệt của các nhà cao cấp tông giáo lợi dụng các phương thức quán tưởng (quiétisme), nhập định (dhyama), dùng tự ngã để giải thoát tự ngã, dùng nội quan để chiếu rọi sự lý, dùng tịch tĩnh để minh tâm kiến tánh, thực căn cứ ở những nguyên lý và phát sinh của sinh mệnh học rất cao siêu.

a. Tịch tĩnh: Là phương thức tự ngã để giải thoát hết thảy những giam bó của tính, tướng, tâm, sắc, pháp, nhân, ngã và tướng. Đó là thiên thần diệt tướng và tịch căn.

b. Quán tưởng: Là phương thức tâm linh để đạt tới, dùng ánh sáng của tịch tĩnh để mà chiếu rọi (tịch chiếu) sự lý, thu thái những trí thức siêu nghiệm và thuần nhiên (vô chấp trước), lấy đó làm chìa khóa điển hình để đạt tới đại tự tại, đại giải thoát, đại vô úy và đại vô ngã.

c. Tồn nạp: (tồn tích, thu nạp): Là phương thức sinh lý để đạt tới sự vận dụng và khống chế những công năng của tinh, khí, thần cho được hoàn toàn thăng hoa tác dụng.

d. Thanh đạm: Là thái độ du thế và nhân-sinh-quan tiêu dao, dùng để tận lương phát triển những nút nghẽn tự do, phá hết chấp trước và chướng ngại của nhân sinh thực tiễn.

e. Bồ ích: Là dùng các lối hoàng bạch thuốc thang (như bồ dưỡng), viên lý (panacée) phi luyện để tẩm luyện các thể chất sinh mệnh được hợp với yêu cầu của pháp môn.

Tuy nhiên thiền định giáo dục chỉ là phương pháp xu thế và hư vô, dù những nguyên lý là phát minh của nó giúp không ít cho sự tu dưỡng và hàm dưỡng nội tại của sinh mệnh.

IV. Tất Cả Những Phương Diện Tâm Lý Và Sự Thật Đều Lấy Sinh Mệnh Làm Cơ Sở

1. Bộ sậu tâm lý: Tâm lý của loài người biểu hiện ra mọi mặt của hoạt động xã hội: chính trị, kinh tế, văn hóa, lịch sử là do các động cơ trung tâm của dân sinh thực hiện, căn cứ trên động tác và toàn thể quan hệ của sinh mệnh, gồm có các bộ sậu:

a. Xung động: Chia ra:

- Bản năng xung động tức là những xung động thuần túy của thời kì nhi đồng.

- Duyên khởi xung động tức là những xung động do hai trạng thái suy động của nhu yếu: chủ-, khách- quan phản ảnh, tàng-trụ-thức phản ảnh mà thành.

Hai thứ xung động này căn bản biểu hiện là vật chất xung động, cơ năng xung động, công kích xung động. Tính xung động đều hàm hỗn¹⁶, đồng thời tự hai thứ có hàm hỗn lẫn nhau.

Xung động tức là những nhu yếu nguyên thủy không có cụ thể hình thức, không có cụ thể tác động.

b. Nhu yếu: Là những xung động hình thức hóa, khái niệm hóa và cụ thể hóa trên một quá trình thức giác tác dụng mà hình thành, gồm có những nhân tố cụ thể của khách quan.

¹⁶ Hàm hỗn: nói hoặc làm không rõ ràng (vague, équivoque). Đào Duy Anh. Sđd, tr. 279.

Nền tảng của hết thảy hành vi là nhu yếu, không phải dục vọng mà cũng không phải cái trái lại dục vọng là chán sợ.

Dục vọng với chán sợ là những trạng thái, hiện tượng của một tâm lý cơ cấu, kinh qua các tác dụng xung đột và giam bó khắt khe và bất mãn quá lánh ngoài mà thành các kỳ hình phát triển rất tiêm nhuệ¹⁷ trong tâm lý và ngoài thực tiễn.

Các triết học phi nhân lấy dục vọng làm nền tảng; chính thống học phái thì cũng lấy những hình thức tương tự (như Rousseau cho chiếm hữu và sáng tạo xung động) làm nền tảng, diễn nên những ý chí và lý tưởng sai lầm.

Nhu yếu gồm có:

- Thuần nhu yếu: Diễn từ bản năng xung động mà ra.
- Tự giác nhu yếu: Từ thực hành đến cầu biết, biết là trục của sống, đồng thời sinh mệnh trong quá trình hướng tâm và hướng thượng vận động của nó, đặc biệt yêu cầu được sung thực trên tự chủ, tự giác và tự động.
- Hướng thượng nhu yếu: Duyên trường của tự giác nhu yếu, ở đó là cội gốc của lý tưởng và hy vọng.

Nhu yếu yêu cầu mãn túc¹⁸ trên một trình độ hợp lý, hợp phần và hợp tình.

c. Khái niệm: Sự xúc tiếp với ngoại vật, phản ảnh lại thành các khái niệm, từ xung động kinh qua một quá trình khái niệm mà thành nhu yếu. Bởi các phản ảnh có nhiều phương diện, nhiều hình thức, cho nên khái niệm cũng hình thành rất phức tạp. Có thể chia ra ba, đại loại là: từ cảm tình khái niệm đi đến cảm tình thực tiễn; từ ý chí khái niệm đi đến ý chí thực tiễn; từ lí trí khái niệm đi đến lí trí thực tiễn.

2. Cách mạng tâm lý: Sự tiến hóa của toàn bộ lịch sử loài người mô tả trên lũy tích trình tự của toàn thể văn hóa. Người ta đi từ người-trời hỗn hóa đến người-vật, người-người hỗn hóa. Từ có sử tới nay, sự khai hóa mang đến cụ thể tâm, vật và danh, thực hỗn hóa. Cho nên vô minh là nhân của hết thảy duyên, nghiệp, quả, đúng như nhà Phật nói, mà Bát Nhã là chìa khóa của tự giác, giác tha, tự độ, nhân độ.

Người ta nói tính thiện với tính ác chỉ là bởi sự không truy cứu đến cùng tận cái sinh mệnh bản thân. Không có cái gì ác hay thiện, nó là

¹⁷ Tiêm nhuệ: nhọn sắc.

¹⁸ Mãn túc: đầy đủ. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 439.

thuần vô kỷ tính. Thiện với ác là tiêu chuẩn khách quan, định đoạt ra bởi điều kiện sinh tồn, yêu cầu thế nào theo một lộ tuyến và nhu yếu điển hình của các xã hội và thời đại. Cho nên trình tự làm cho khai thông tâm lý và sinh mệnh đạt tới đạo tự vô vi gồm:

a. Hợp lý xung động: Các xung động phải khai hóa cho được tự giác, chính giác và hợp lý. Đề cao các tri thức căn bản về các nguyên lý trùng trùng điệp điệp của sinh mệnh học phổ biến và thâm nhập toàn thể loài người. Phải lấy sinh mệnh học và nhân loại học làm trung tâm giáo dục, đây là phương pháp từ gốc. Dù rất cổ, nát gan để xương một thứ dân chủ cao độ gì đi nữa cũng chỉ là sự ngon.

b. Hợp lý nhu yếu: Một cái nhu yếu hợp lý chỉ ở sự khách quan bảo chứng của chế độ mới có thể thực hiện được. Hợp lý nhu yếu chỉ nhu cầu một hợp lý mãn túc, một an thích sinh hoạt, một bình đẳng mãn thụ, giải thoát hết các giam bó và hủy diệt của tâm lý, giải thoát hết các gông cùm và phản loạn của xã hội, tức là bỏ được dục vọng và chán sợ.

Chỉ có Thắng Nghĩa Dân Chủ trên nền tảng quân đảng chủ nghĩa đồng thời giải quyết cơ hội, nghĩa vụ, quyền lợi dưới một mục tiêu chính trị ba tầng: bình hành thực hiện cá nhân, xã hội với dân tộc, tu trì bởi một tổ chức gốc mới được.

c. Hợp lý khái niệm: Các khái niệm càng hợp lý bao nhiêu càng đi gần với chân lý bấy nhiêu, tức khế hợp¹⁹ thiết thực với tương đối chân lý mà có thể quy nạp và xu hướng tới tuyệt đối chân lý bằng một sự tiến hóa toàn thể, tự chủ, tự giác và tự động.

Bởi chí, tình, ý là toàn bộ cái sinh mệnh hệ thống, ba thứ đó có hợp lý thì xã hội mới TRINH, BÌNH, HÒA được trên cái nền tảng của một giáo dục và tu dưỡng chính xác, mà giáo dưỡng chính xác là xem xã hội cơ sở, lập quốc tinh thần, dân tộc luân lý, quốc dân giao tế thế nào mà định.

3. Đạo đức tiêu chuẩn: Đạo đức chính là điều kiện giữ gìn lòng người và hành vi sao cho phối hợp với các yêu cầu của một điển hình xã hội và thời đại. Song ta phải hiểu chữ đạo đức trên một ý nghĩa mới, tức là tác dụng và ý chí của bản thân nó trên một nền tảng khách quan của sinh mệnh toàn bộ diễn tiến nên. Cái quá trình đó phải có

¹⁹ Khế hợp: tinh thần ý chí rất ưa nhau, in hệt như nhau. Đào Duy Anh. Sdd, tr. 366.

một tiêu chuẩn hợp lý và bình đẳng thế nào mới xúc tiến được sinh tồn và văn hóa toàn thể theo một lộ tuyến²⁰ chính thường²¹.

a. Trinh: Thiên tính thứ nhất của loài người là phần chủng, cho nên sự kết hợp và hợp tác của đàn ông và đàn bà có “Trinh” hay không, đó là điều kiện của nhân chủng có thuần túy và kế tục nối dài, đông đúc hay không. Tiểu gia đình chính là chế độ xã hội xúc tiến chủ nghĩa đó.

b. Bình: Thiên tính phụ đới của loài người là cấp dưỡng. Toàn thể cái cơ cấu kinh tế trên quá trình sản sinh²², phân thụ giao dịch và phân phối có bình đẳng, mãn túc, an thích và bảo chướng²³ thì xã hội mới có tiến hóa bề ngang, đó là tiến hóa từng bộ môn của văn minh. Bình sản kinh tế là chủ nghĩa để thực hiện cái đó.

c. Hòa: Thiên tính duyên trường của loài người là xã hội. Trên hết thảy các quá trình tình cảm, tâm lý, sinh lý, hành vi, chế độ của bản thân có hợp với nguyên lý cơ năng thì sự tự do, bình đẳng, bác ái mới chân chính thực hiện.

Các hiện tượng xã hội mâu thuẫn chỉ là bệnh thái, xin chớ nhận lầm là thường thái. Cơ năng hiển pháp, công chế, kinh lý, nguyên tăng toàn dân chính sách, đây là những phương án thiết thực để đạt tới xã hội chí nhân, chí thành và chí công về Trinh, Bình, Hoà, chân chính là những bộ sậu để thực hiện cái lý tưởng chí thành, chí nhân và chí công ấy.

4. Giáo hóa tiêu chuẩn: Kiến thiết một xã hội quy phạm mới, yêu cầu một giáo hóa hình thái và công cụ thích ứng mới để đào tạo những con người mới hoàn toàn. Cho nên:

a. Chí trung hòa: Ở trong tâm mà chưa động ra gọi là trung. Động ra mà trúng tiết gọi là hòa. Đó là tiêu chuẩn của xung động hợp lý.

b. Chí đạo đức: Đạo là con đường đi hợp lý cho mình và toàn thể. Đức là sự ở, sự đi, sự làm hợp với đạo mà mang đến hiệu quả và

²⁰ Lộ tuyến: đường đi.

²¹ Chính thường: thường hằng chính đáng.

²² “Sản sinh” trong tài liệu được hiểu như “sản xuất”.

²³ Bảo chướng: giữ gìn che chở. Như chữ bảo lãnh. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 36.

tin thường, hưởng thụ đúng đắn. Đó là tiêu chuẩn của nhu yếu hợp lý.

c. Chí lương tri: Sự hiểu biết minh mẫn làm động cơ cho sự làm hợp lý. Đó là chí lương tri, tức là tiêu chuẩn của khái niệm hợp lý.

Cái văn hóa nuôi người tiến bộ nhất, cao thượng nhất là làm cho toàn thể loài người nhịp nhàng trên một mặt trận thật tự mưu cầu hạnh phúc chung bằng những thủ đoạn chí trung hòa, chí đạo đức và chí lương tri.

5. Chính trị tiêu chuẩn: Chính trị là kinh lý nhân tính, tức là phát triển cá nhân sinh mệnh và xã hội sinh mệnh căn cứ vào nguyên lý đúng đắn của sinh mệnh, cho sinh mệnh được tự do giải thoát và đầy đủ.

Đây hãy tạm gác những nguyên lý rất nhiều của Thăng Nghĩa mà chỉ kể các căn bản nhiệm vụ của nền chính trị đó mà thôi:

- a. Dưỡng sinh: Kinh tế với giáo dục và tu dưỡng.
- b. Đạt sinh: Sống đẹp, khỏe, vui và tốt tươi.
- c. Ưu sinh: Sống càng có điều kiện tiến hóa của các phương diện xã hội: nhân chủng, chế độ, sinh hoạt và văn hóa.
- d. Chí giản dị: Một đơn thuần lý niệm quy củ những đơn thuần hành vi [mất một đoạn].

6. Chủ quan thiên tính và tâm lý cơ cấu: Chủ quan thiên tính và tâm lý cơ cấu phối hợp với khách quan, thời gian và không gian kinh qua các phạm trù nhu yếu và khái niệm mà hình thành các tính nghiệp, tình nghiệp và ý nghiệp. Tính nghiệp là do tàng-trụ-tính, tàng-trụ-thức và nghiệp hành (karma) xã hội mà hình thành. Tình nghiệp và ý nghiệp cũng vậy, tức là những thiên tính hậu thiên (tập quán và xã hội nhân quả, duyên nghiệp).

a. Tính Nghiệp: Gồm tất cả những xung động cụ thể hóa và hình thức hóa, bao hàm những động tác và hành vi: lợi hại, thiện ác, thị phi, đánh lui, giữ bỏ, che giấu, phản ảnh và ấn khắc vào sinh mệnh thành những tâm lý cơ cấu và sinh mệnh hệ thống. Đó là nguồn gốc của chiến đấu tâm lý, chiến tranh tâm lý. Người ta nói "sống là vật lộn", chứ không ai nói "thiên tính là vật lộn".

b. Tình Nghiệp: Những xung động về cảm giác khái niệm: vui, buồn, nhớ, g, buồn, nhớ, tiếc, thương, ghét hình thành vui, giận, mừng, buồn, nhớ, tiếc, thương, ghét hình thành bởi sự lập thành cái

quan hệ giữa người và người, giữa người và tự nhiên, giữa người và lịch sử. Đó là nguồn gốc của xã hội tâm lý và gia đình tâm lý.

c. Ý Nghiệp: Những xung động thuộc về ý chí và lý trí (quyền danh, thế vị, lợi lộc quan niệm) gồm tất cả những tình trạng và hành vi của duyên-khởi-thức và tượng trưng tác dụng. Những căn bản phạm trù của nó là: Nhân tướng, Ngã tướng, Pháp tướng, và Thọ tướng, sự muốn, sự tưởng, sự mong. Đó là nguồn gốc của đạo đức tâm lý.

V. Thể Hệ Khoáng Trương Và Duyên Trường Của Sinh Mệnh Sinh Hoạt Và Thực Hiện

1. Tất cả những hiện tượng và hành vi xã hội, chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, nhân chủng sinh hoạt là những biểu hiện lịch sử càng tích lũy, càng tiến hóa, càng phức tạp của loài người. Các quan niệm thị phi, lợi hại, thiện ác, đều trong cái quá trình đó mà cụ thể hình thành. Cổ xưa chính giáo từ Lễ đến Nhạc là một vận trù (cycle) của thế giới đại đồng thành đại thuận. Trinh, Bình, Hòa là những nguyên tắc chính thường của thái bình thiên hạ.

Lịch sử là một vòng tuần hoàn tròn ốc của cái phạm trù lý tưởng cá nhân, xã hội với dân tộc. Bất cứ một hình thức chính trị hay văn hóa nào cũng lấy ba cái đó làm căn cứ mà hình thành những lý tắc, hệ thống và chế độ, không thiên thì chấp, chẳng được thuận chung, cùng thì biến, biến tất thông, của luẩn quẩn. Cho nên:

a. Cách mạng chủ trương là cứu quốc tồn chủng.

b. Cách mạng lý tưởng là kiến lập tổng thể một sinh mệnh thể hệ lớn lao và toàn thể một văn hóa hệ thống sâu rộng của dân tộc và nhân loại. Đó là chân lý của sinh mệnh tiểu ngã và đại ngã hòa đồng.

2. Cơ quan của giống nòi là quốc gia tổ chức:

Giống nòi để hoàn thành một thăng hoa tác dụng tối cao của đạo đức sống, của nhân sinh, nhân đạo và nhân kỷ.

Quốc gia để hoàn thành một hướng tâm, hướng thượng vận động của loài người.

Cá tính là khởi điểm của sinh mệnh; văn hóa là tập kết của cộng tính. Cho nên sự cải tạo loài người là phải y cứ vào chủ nghĩa thực hiện:

a. Thực hiện cá nhân (individual).

b. Thực hiện xã hội (social).

c. Thực hiện dân tộc (nation).

Ba mặt bình hành cùng tiến trên một phương hướng với những bộ sậu thống nhất.

3. Dân tộc phải lấy Sáu Dân [Lục Dân] chính sách làm luân khoá²⁴ hợp lý để dựng một xã hội tinh thần thống nhất, cơ năng hòa hài, sinh hoạt an thích và bình đẳng mẫn túc của một Đại Đồng Xuân Thế Giới trên nền tảng của kiến-trúc-tầng, rập theo cái quy mô chân chính lập thể và xã hội đức tầng, từ dưỡng sinh đến đạt sinh và ưu sinh. Ở đó cái phạm trù một con người trên nhân phẩm phải có:

- a. Trí thức, kinh sinh²⁵, khí vũ²⁶, đạo đức, văn mỹ (nhân cách).
- b. Thận vững, tim trong, óc sáng, mình nhẹ, tay mạnh (nhân hình, điển hình thể cách).
- c. Tổ quốc, chủ nghĩa, lý tưởng, nhân cách, danh dự (phong độ, phong cách).

4. Khởi điểm của kiến thiết và xã hội là lấy toàn bộ một sinh mệnh trong tung hợp của những bản chất và cơ năng của nó, phát huy hết thảy những công năng giá trị của con người ra đến cứu cực. Cho nên:

- a. Thực hiện triết học.
- b. Thăng nghĩa chính trị.
- c. Cơ năng hiến pháp.
- d. Bình sản kinh tế.
- e. Sinh hoạt giáo dục.
- f. Trung tâm tu dưỡng.
- g. Đại nam tông hóa.

Đấy là do:

1. Lịch sử với hiện đại:

- Quốc tế biên tế phát triển.
- Dân tộc căn bản lập trường.
- Quốc tế văn hoá xuất lộ (thời đại).

²⁴ Luân khoá (Luân: bánh xe; lớn; lần lượt. Khoá: vành xe; mở rộng ra, như chữ Khuếch): những lãnh vực to lớn.

²⁵ Kinh sinh: sinh khí mạnh mẽ.

²⁶ Khí vũ: phong độ phóng khoáng.

- Dân tộc văn hóa thủy chuẩn.
- Quốc gia xã hội hiện hưởng (kết cấu).
- Dân tộc dân chúng yêu cầu

2. Sinh mệnh và nhân loại học: Cụ thể biểu hiện ra bằng thời đại, lịch sử và ước vọng của tương lai.

XY Lý Đông A

20/12/42 (4821 T.V.)

Ghi chú:

- Học Hội Thăng Nghĩa hiệu đính và chuyển thành ấn bản điện tử ngày 18 tháng 11 năm 2017 từ các bản in và đánh máy.
- Chú giải: Huỳnh Việt Lang, Đinh Khang Hoạt và Tạ Dzu.